

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2384 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 25 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước về lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn; lĩnh vực nông thôn mới thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ luật chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Công văn số 5990/VPCP-KSTT ngày 22/8/2022 của Văn phòng Chính phủ về việc công bố, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 793/KH-UBND ngày 14/11/2022 về rà soát, đơn giản hoá thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Nghệ An tại Tờ trình số 5706/TTr-SNNMT ngày 21/7/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 04 thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn; lĩnh vực nông thôn mới thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các thủ tục hành chính nội bộ tại số thứ tự: 3, 4; Mục I (Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn), Mục A (Thủ tục hành chính cấp tỉnh); số thứ tự 1, mục I (Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn), số thứ tự 1, 2 mục III (lĩnh vực nông thôn mới) Phần B (Thủ tục hành chính cấp huyện), Phần I (Danh mục thủ tục hành chính) và phần II (Nội dung cụ thể của từng thủ tục hành chính nội bộ) ban hành kèm theo Quyết định số 1631/QĐ-UBND ngày



06/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc Công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước lĩnh Nông nghiệp và Môi trường thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các Ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *Nguyễn Văn Đệ*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Phó CT UBND tỉnh (đ/c Đệ);
- Phó CVP UBND tỉnh (đ/c Thiện);
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT (Th). *Th*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Đệ

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
GIỮA CÁC CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC VỀ LĨNH VỰC
KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, LĨNH VỰC
NÔNG THÔN MỚI THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

STT	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Căn cứ pháp lý
I LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN				
1	Quyết định công nhận kết quả đánh giá, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao, 4 sao	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm. - Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 06/7/2025 Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.
2	Đề nghị đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP cấp quốc gia	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn	Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm. - Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 06/7/2025 Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày

				24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.
II LĨNH VỰC NÔNG THÔN MỚI				
1	Công nhận, công bố “Thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới”.	Nông thôn mới	UBND cấp xã	- Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025. - Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn/xóm/bản đạt chuẩn nông thôn mới; vườn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 – 2025. - Nghị quyết số 1678/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Nghệ An năm 2025.

2	Thu hồi Quyết định công nhận, công bố “Thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới”	Nông thôn mới	UBND cấp xã	- Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025. - Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn/xóm/bản đạt chuẩn nông thôn mới; vườn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 – 2025. - Nghị quyết số 1678/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Nghệ An năm 2025.
---	--	---------------	-------------	--

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN; LĨNH VỰC NÔNG THÔN MỚI

I. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

1. Quyết định công nhận kết quả đánh giá, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao, 4 sao

1.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ sản phẩm

- UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá sản phẩm OCOP cấp tỉnh, Tổ tư vấn Hội đồng cấp tỉnh và kế hoạch đánh giá.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ đề xuất đánh giá, phân hạng sản phẩm từ cấp xã và kiểm tra thể thức, thông báo, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

Bước 2: Tổ tư vấn Hội đồng tiến hành thẩm định, đánh giá hồ sơ

Tổ tư vấn thẩm định, đánh giá, kiểm tra thực tế và tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, xây dựng Báo cáo trình Hội đồng cấp tỉnh để tổ chức họp Hội đồng cấp tỉnh đánh giá, phân hạng.

Bước 3: Tổ chức họp Hội đồng đánh giá, phân hạng

- Đại diện Tổ tư vấn Hội đồng trình bày báo cáo kết quả thẩm tra, đánh giá hồ sơ sản phẩm của Tổ tư vấn.

- Các thành viên Hội đồng đánh giá sản phẩm theo phiếu đánh giá. Hội đồng thống nhất thông qua kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao, 4 sao.

Bước 4: Ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng

Căn cứ kết quả đánh giá của Hội đồng, UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định công nhận kết quả đánh giá, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm OCOP đạt hạng 3 sao, 4 sao; tổ chức công bố kết quả.

1.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT IOFFICE, trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

Do UBND cấp xã chuẩn bị, bao gồm:

- 01 bộ hồ sơ gốc, 01 bộ hồ sơ điện tử (hồ sơ scan).

- Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá OCOP gồm: Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (mẫu biểu số 1); Báo cáo của chủ thể đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (mẫu biểu số 2); Báo cáo đánh giá của UBND cấp xã về một số tiêu chí (biểu mẫu số 3).

- Công văn gửi UBND tỉnh đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.
- Đối tượng đánh giá: Mẫu sản phẩm (trừ sản phẩm dịch vụ du lịch) và hồ sơ sản phẩm. Đối với các sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch: Các thành viên kiểm tra thực tế và đánh giá trước tại thực địa.

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

1.5. Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

1.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.7. Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận kết quả đánh giá, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm đạt hạng 3 sao, 4 sao của UBND tỉnh.

1.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (Biểu số 1).
- Báo cáo của chủ thể đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (Biểu số 2).
- Báo cáo đánh giá của UBND cấp xã về một số tiêu chí (Biểu mẫu số 3)

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

- Theo trình tự thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ.
- Thời hạn hiệu lực phân hạng sản phẩm OCOP
- + Các chủ thể OCOP có thể đăng ký sản phẩm để được đánh giá, phân hạng, nâng hạng sản phẩm thương xuyên, liên tục (theo kế hoạch và chu trình OCOP của địa phương).
- + Giấy chứng nhận cho các sản phẩm OCOP đạt từ 3 đến 5 sao có giá trị trong thời hạn 36 tháng, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành. Cơ quan quản lý Chương trình OCOP các cấp thông báo, hướng dẫn các chủ thể đăng ký đánh giá, phân hạng lại sản phẩm theo kế hoạch và chu trình OCOP.
- Quy định về đánh giá, nâng hạng sản phẩm OCOP
- + Căn cứ kết quả phát triển sản phẩm, chủ thể OCOP bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định (tại mục: thành phần, số lượng hồ sơ).
- + Trình tự, thủ tục đánh giá, nâng hạng thực hiện theo quy định về đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.
- Quy định về đánh giá, phân hạng lại sản phẩm sau khi hết thời hạn
- + Chậm nhất 30 ngày trước ngày hết thời hạn 36 tháng, cơ quan ban hành Quyết định công nhận kết quả và cấp Giấy chứng nhận đạt sao có văn bản thông báo cho các chủ thể OCOP về thời hạn của Giấy chứng nhận.
- + Chủ thể OCOP (nếu có nhu cầu), chuẩn bị hồ sơ đề nghị công nhận lại sản phẩm, bao gồm:

(1) Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (mẫu phiếu tại biểu số 1).

(2) Báo cáo của chủ thể đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí theo mẫu biểu số 2 (rà soát, cập nhật những nội dung mới, đánh giá về kết quả sau 3 năm được công nhận OCOP: về nguyên liệu, thị trường, công bố chất lượng...).

- Cơ quan tham mưu thực hiện Chương trình các cấp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở về việc duy trì, phát triển sản phẩm OCOP; phát triển nguyên liệu, liên kết, chất lượng và chấp hành các quy định hiện hành của Chương trình (nếu cần thiết).

1.11. Căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

- Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 06/7/2025 Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

**BIỂU SỐ 01: PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐÁNH GIÁ, PHÂN HẠNG
SẢN PHẨM OCOP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ
Tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình OCOP
của tỉnh..... năm**

1. Thông tin về đơn vị đăng ký:

- Tên đơn vị:
- Họ tên người đại diện pháp lý:
- Chức vụ:
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại:..... Email:

2. Tên sản phẩm:

3. Nhóm sản phẩm đăng ký (Ngành, Nhóm, Phân nhóm¹):

4. Lần đăng ký đánh giá: Lần đầu ☐ Nâng hạng: ☐ Đánh giá lại: ☐

5. Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (bản gốc, bản điện tử).
- Sản phẩm mẫu (số lượng):

Cam đoan những thông tin trong Phiếu đăng ký là đúng sự thật, chúng tôi xin cam kết tuân thủ các quy định của Chương trình OCOP về đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP, chịu trách nhiệm trước Hội đồng và pháp luật về Hồ sơ đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm./.

..... ngày..... tháng.....năm

ĐẠI DIỆN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

¹ Theo Phụ lục I về Danh mục phân loại sản phẩm tham gia Chương trình OCOP

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ

DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH OCOP CẤP XÃ

Phiếu số:-...../PĐK- (Mã tỉnh) - (Mã xã) - (Năm)

Ngày nhận:.....

Người tiếp nhận:..... Chữ ký:

Cơ quan tiếp nhận

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH OCOP CẤP TỈNH

Phiếu số:-...../PĐK- (Mã tỉnh) - (Mã xã) - (Năm)

Ngày nhận:.....

Người tiếp nhận:..... Chữ ký:

Cơ quan tiếp nhận

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 02: BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ SẢN PHẨM
(Dành cho chủ thể có sản phẩm đăng ký)

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chủ thể:
 2. Loại hình tổ chức:
 3. Địa chỉ:
 4. Điện thoại:Email:
 5. Tên người đại diện pháp luật:
 - Họ tên:
 - Giới tính:.....(Nam/nữ); Dân tộc:
 - Địa chỉ thường trú:
 6. Ngày thành lập/đăng ký kinh doanh:..... Số giấy đăng ký (nếu có):
 7. Tên sản phẩm/dịch vụ, mô tả về quy cách sản phẩm, tiêu chuẩn:
- Đánh dấu (□) vào mục tương ứng:
- a) Giấy đăng ký kinh doanh: □
 - b) Đã công bố chất lượng cơ sở: □
 - c) Đã có các điều kiện sản xuất theo quy định:
 - Giấy đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật cho sản xuất sản phẩm: □
 - Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất bắt buộc theo quy định cho sản phẩm (đối với các sản phẩm bắt buộc theo quy định): □
 - d) Đã có đăng ký sở hữu trí tuệ: □
 - + Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu: □
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận: □
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kiểu dáng công nghiệp: □
 - + Khác (ghi rõ):□
 8. Lịch sử hình thành của chủ thể (nêu các giai đoạn hình thành và phát triển):
.....
.....
 9. Cơ cấu tổ chức của chủ thể:
.....

PHẦN II.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH

Nội dung yêu cầu: Đánh giá kết quả triển khai phương án sản xuất, kinh doanh của chủ thể theo Phương án sản xuất, kinh doanh khi đăng ký tham gia Chương trình OCOP.

Lưu ý: trình bày rõ một số nội dung sau:

- Tổ chức vùng nguyên liệu, công nghệ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói sản phẩm của chủ thể.
- Sự thay đổi về chất lượng sản phẩm: chất lượng, tiêu chuẩn chất lượng, bao bì, nhãn mác, hình thức đóng gói,...
- Thị trường phân phối sản phẩm.
- Kết quả sản xuất, kinh doanh: doanh thu, lợi nhuận.

PHẦN III.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO BỘ TIÊU CHÍ SẢN PHẨM OCOP

- Căn cứ vào Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP tương ứng với sản phẩm đăng ký, chủ thể tự đánh giá về kết quả (điểm số) có thể đạt theo thứ tự từng tiêu chí.

- Mô tả, chứng minh về kết quả tương ứng (mô tả, tài liệu minh chứng cho nội dung mô tả).

- Tài liệu minh chứng kèm theo vào phụ lục của Báo cáo, tham khảo hướng dẫn theo bảng dưới đây:

TT	Nội dung	Yêu cầu
-	Giấy đăng ký kinh doanh	Bản sao có công chứng, chứng minh hoạt động kinh doanh hợp pháp (đối với các đơn vị/cá nhân có đăng ký kinh doanh)
-	Giấy đủ điều kiện sản xuất	Bản sao có công chứng (đối với sản phẩm cần phải có giấy chứng nhận theo quy định hiện hành)
-	Nguồn gốc nguyên liệu, liên kết chuỗi	Bản sao tài liệu: Giấy xác nhận, hợp đồng, hóa đơn... chứng minh việc mua bán nguyên vật liệu, hợp đồng, thỏa thuận liên kết
-	Công bố chất lượng sản phẩm	Bản sao tài liệu, chứng minh chất lượng sản phẩm được công bố
-	Phiếu kết quả kiểm tra chỉ tiêu an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn công bố	Bản sao tài liệu, chứng minh đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm
-	Mã số mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc,	Bản sao tài liệu, chứng minh mã, tem, sở hữu thương hiệu...

TT	Nội dung	Yêu cầu
-	Sở hữu trí tuệ	Giấy chứng nhận đăng ký về sở hữu trí tuệ: nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, kiểu dáng,...
-	Bảo vệ môi trường	Bản sao hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định; hình ảnh minh chứng về thực hiện giải pháp bảo vệ môi trường.
-	Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, kiểm soát chất lượng	Bản sao tài liệu: chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, chứng minh hệ thống quản lý đạt tiêu chuẩn
-	Kế toán	Bản sao tài liệu, minh chứng hoạt động kế toán của cơ sở
-	Phát triển thị trường, hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại	Bản sao tài liệu: Hợp đồng, cam kết, xác nhận về phân phối sản phẩm, xuất khẩu sản phẩm, hoạt động xúc tiến thương mại...
-	Câu chuyện về sản phẩm	Bản sao tờ rơi, hình ảnh, phim, ghi âm... minh chứng về câu chuyện của sản phẩm
-	Kế hoạch kiểm soát nội bộ	Bản sao kế hoạch kiểm soát nội bộ/Hồ sơ minh chứng về kế hoạch kiểm soát nội bộ
-	Giải thưởng của sản phẩm, bình chọn của các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế...	Bản sao tài liệu, minh chứng về các thành tích, giải thưởng, bình chọn...

PHẦN IV

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH

Trình bày những định hướng, kế hoạch của chủ sở hữu trong thời gian tới về phát triển sản phẩm, tổ chức sản xuất, thị trường.

.....ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ SỞ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

BIỂU SỐ 3. MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Về việc đánh giá một số nội dung của Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá sản phẩm OCOP

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

1. Tên chủ thể:
2. Loại hình tổ chức:
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại:..... Email:
5. Tên người đại diện pháp luật:
 - Họ tên:
 - Giới tính:..... (Nam/nữ); Dân tộc:
 - Địa chỉ thường trú:
6. Sản phẩm đăng ký đánh giá:

II. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

1. Về sử dụng nguyên liệu địa phương: (Nội dung thể hiện rõ mô tả của chủ thể và đánh giá về tình hình sử dụng nguyên liệu thực tế của chủ thể trên địa bàn xã).
 2. Về sử dụng lao động địa phương: (Nội dung thể hiện rõ mô tả của chủ thể và đánh giá về tình hình sử dụng thực tế về lao động địa phương của chủ thể trên địa bàn xã).
 3. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm: (Nhận xét về nguồn gốc sản phẩm (truyền thống, sản phẩm mới) của chủ thể dựa trên thực tế của địa phương).
 4. Bản sắc/trí tuệ địa phương: (Đánh giá về đặc điểm và mức độ thể hiện các giá trị về văn hóa, truyền thống (hình ảnh, câu chuyện,...) trên sản phẩm và hồ sơ của sản phẩm).
- Ủy ban nhân dân xã.... đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.... đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cho sản phẩm.... của

TM. UBND XÃ....

(Ký tên và đóng dấu)

2. Đề nghị đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP cấp quốc gia

2.1. Trình tự thực hiện:

Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ sản phẩm

- UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá sản phẩm OCOP cấp tỉnh, Tổ tư vấn Hội đồng cấp tỉnh và kế hoạch đánh giá.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp nhận hồ sơ đề xuất đánh giá, phân hạng sản phẩm từ cấp xã và kiểm tra thể thức, thông báo, hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ.

Bước 2: Tổ tư vấn Hội đồng tiến hành thẩm định, đánh giá hồ sơ

Tổ tư vấn thẩm định, đánh giá, kiểm tra thực tế và tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên, xây dựng Báo cáo trình Hội đồng cấp tỉnh để tổ chức họp Hội đồng cấp tỉnh đánh giá, phân hạng.

Bước 3: Tổ chức họp Hội đồng đánh giá, phân hạng

- Đại diện Tổ tư vấn Hội đồng trình bày báo cáo kết quả thẩm tra, đánh giá hồ sơ sản phẩm của Tổ tư vấn.

- Các thành viên Hội đồng đánh giá sản phẩm theo phiếu đánh giá. Hội đồng thống nhất thông qua kết quả đánh giá, đề xuất các sản phẩm có thể tham gia đánh giá cấp trung ương (từ 90 điểm trở lên), báo cáo kết quả tới UBND cấp tỉnh và đề xuất về phân hạng sản phẩm.

Bước 4: Ban hành Quyết định phê duyệt kết quả đánh giá, phân hạng

Trên cơ sở kết quả đánh giá của Hội đồng, UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm, chuyển hồ sơ và sản phẩm mẫu của các sản phẩm có tiềm năng 5 sao (từ 90 điểm đến 100 điểm) đề nghị cấp trung ương đánh giá, công nhận sản phẩm OCOP quốc gia.

2.2. Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT IOFFICE, trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Hồ sơ đề xuất đánh giá sản phẩm cấp tỉnh: Do UBND cấp xã chuẩn bị, bao gồm:

- 01 bộ hồ sơ gốc, 01 bộ hồ sơ điện tử (hồ sơ scan).

- Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá OCOP gồm: Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (mẫu biểu số 1); Báo cáo của chủ thể đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (mẫu biểu số 2); Báo cáo đánh giá của UBND cấp xã về một số tiêu chí (biểu mẫu số 3).

- Công văn gửi UBND tỉnh đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

* Hồ sơ đề xuất đánh giá sản phẩm cấp quốc gia: Do Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị, bao gồm:

- 01 bộ hồ sơ gốc, 01 bộ photo và 01 bộ hồ sơ điện tử (hồ sơ scan).
- Công văn gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.
- Tài liệu họp Hội đồng cấp tỉnh, bao gồm: Báo cáo thẩm định của Tổ tư vấn; Biên bản đánh giá của Hội đồng cấp tỉnh; Quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm.
- Các văn bản xác nhận kiểm tra, kiểm nghiệm bổ sung của cấp tỉnh (nếu có).
- Đối tượng đánh giá: Mẫu sản phẩm (trừ sản phẩm dịch vụ du lịch) và hồ sơ sản phẩm. Đối với các sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch: Các thành viên kiểm tra thực tế và đánh giá trước tại thực địa.

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định

2.5. Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã

2.6. Cơ quan giải quyết:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

2.7. Kết quả thực hiện: UBND cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt kết quả chấm điểm, chuyển hồ sơ và sản phẩm mẫu của các sản phẩm có tiềm năng 5 sao (từ 90 điểm đến 100 điểm) đề nghị cấp trung ương đánh giá, công nhận sản phẩm OCOP quốc gia

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (Biểu số 1).
- Báo cáo của chủ thể đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (Biểu số 2).
- Báo cáo đánh giá của UBND cấp xã về một số tiêu chí (Biểu mẫu số 3)

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện:

- Theo trình tự thực hiện; thành phần, số lượng hồ sơ.
- Thời hạn hiệu lực phân hạng sản phẩm OCOP
- + Các chủ thể OCOP có thể đăng ký sản phẩm để được đánh giá, phân hạng, nâng hạng sản phẩm thường xuyên, liên tục (theo kế hoạch và chu trình OCOP của địa phương).
- + Giấy chứng nhận cho các sản phẩm OCOP đạt từ 3 đến 5 sao có giá trị trong thời hạn 36 tháng, kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền ban hành. Cơ quan quản lý Chương trình OCOP các cấp thông báo, hướng dẫn các chủ thể đăng ký đánh giá, phân hạng lại sản phẩm theo kế hoạch và chu trình OCOP.
- Quy định về đánh giá, nâng hạng sản phẩm OCOP

+ Căn cứ kết quả phát triển sản phẩm, chủ thể OCOP bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định (tại mục: thành phần, số lượng hồ sơ).

+ Trình tự, thủ tục đánh giá, nâng hạng thực hiện theo quy định về đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

- Quy định về đánh giá, phân hạng lại sản phẩm sau khi hết thời hạn

+ Chậm nhất 30 ngày trước ngày hết thời hạn 36 tháng, cơ quan ban hành Quyết định công nhận kết quả và cấp Giấy chứng nhận đạt sao có văn bản thông báo cho các chủ thể OCOP về thời hạn của Giấy chứng nhận.

+ Chủ thể OCOP (nếu có nhu cầu), chuẩn bị hồ sơ đề nghị công nhận lại sản phẩm, bao gồm:

(1) Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (mẫu phiếu tại biểu số 1).

(2) Báo cáo của chủ thể đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí theo mẫu biểu số 2 (rà soát, cập nhật những nội dung mới, đánh giá về kết quả sau 3 năm được công nhận OCOP: về nguyên liệu, thị trường, công bố chất lượng...).

- Cơ quan tham mưu thực hiện Chương trình các cấp chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra thực tế tại cơ sở về việc duy trì, phát triển sản phẩm OCOP; phát triển nguyên liệu, liên kết, chất lượng và chấp hành các quy định hiện hành của Chương trình (nếu cần thiết).

2.11. Căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

- Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 06/7/2025 Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

**BIỂU SỐ 01: PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐÁNH GIÁ, PHÂN HẠNG
SẢN PHẨM OCOP**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ
Tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình OCOP
của tỉnh..... năm

1. Thông tin về đơn vị đăng ký:

- Tên đơn vị:
- Họ tên người đại diện pháp lý:
- Chức vụ:
- Địa chỉ liên hệ:
- Điện thoại:..... Email:

2. Tên sản phẩm:

3. Nhóm sản phẩm đăng ký (Ngành, Nhóm, Phân nhóm²):

4. Lần đăng ký đánh giá: Lần đầu ☐ Nâng hạng: ☐ Đánh giá lại: ☐

5. Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (bản gốc, bản điện tử).
- Sản phẩm mẫu (số lượng):

Cam đoan những thông tin trong Phiếu đăng ký là đúng sự thật, chúng tôi xin cam kết tuân thủ các quy định của Chương trình OCOP về đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP, chịu trách nhiệm trước Hội đồng và pháp luật về Hồ sơ đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm./.

..... ngày..... tháng.....năm

ĐẠI DIỆN
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

² Theo Phụ lục I về Danh mục phân loại sản phẩm tham gia Chương trình OCOP

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ**DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH OCOP CẤP XÃ**

Phiếu số:-...../PĐK- (Mã tỉnh) - (Mã xã) - (Năm)

Ngày nhận:.....

Người tiếp nhận:..... Chữ ký:

Cơ quan tiếp nhận*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)***DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH OCOP CẤP TỈNH**

Phiếu số:-...../PĐK- (Mã tỉnh) - (Mã xã) - (Năm)

Ngày nhận:.....

Người tiếp nhận:..... Chữ ký:

Cơ quan tiếp nhận*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

BIỂU SỐ 02: BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ SẢN PHẨM
(Dành cho chủ thể có sản phẩm đăng ký)

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chủ thể:
2. Loại hình tổ chức:
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại:Email:
5. Tên người đại diện pháp luật:
 - Họ tên:
 - Giới tính:.....(Nam/nữ); Dân tộc:
 - Địa chỉ thường trú:
6. Ngày thành lập/đăng ký kinh doanh:..... Số giấy đăng ký (nếu có):
7. Tên sản phẩm/dịch vụ, mô tả về quy cách sản phẩm, tiêu chuẩn:

Đánh dấu (☐) vào mục tương ứng:

- a) Giấy đăng ký kinh doanh: ☐
- b) Đã công bố chất lượng cơ sở: ☐
- c) Đã có các điều kiện sản xuất theo quy định:
 - Giấy đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật cho sản xuất sản phẩm: ☐
 - Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất bắt buộc theo quy định cho sản phẩm (đối với các sản phẩm bắt buộc theo quy định): ☐
- d) Đã có đăng ký sở hữu trí tuệ: ☐
 - + Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu: ☐
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận: ☐
 - + Giấy chứng nhận đăng ký kiểu dáng công nghiệp: ☐
 - + Khác (ghi rõ):☐

8. Lịch sử hình thành của chủ thể (nêu các giai đoạn hình thành và phát triển):

.....

.....

9. Cơ cấu tổ chức của chủ thể:

.....

PHẦN II.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH

Nội dung yêu cầu: Đánh giá kết quả triển khai phương án sản xuất, kinh doanh của chủ thể theo Phương án sản xuất, kinh doanh khi đăng ký tham gia Chương trình OCOP.

Lưu ý: trình bày rõ một số nội dung sau:

- Tổ chức vùng nguyên liệu, công nghệ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói sản phẩm của chủ thể.
- Sự thay đổi về chất lượng sản phẩm: chất lượng, tiêu chuẩn chất lượng, bao bì, nhãn mác, hình thức đóng gói,...
- Thị trường phân phối sản phẩm.
- Kết quả sản xuất, kinh doanh: doanh thu, lợi nhuận.

PHẦN III.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO BỘ TIÊU CHÍ SẢN PHẨM OCOP

- Căn cứ vào Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP tương ứng với sản phẩm đăng ký, chủ thể tự đánh giá về kết quả (điểm số) có thể đạt theo thứ tự từng tiêu chí.
- Mô tả, chứng minh về kết quả tương ứng (mô tả, tài liệu minh chứng cho nội dung mô tả).
- Tài liệu minh chứng kèm theo vào phụ lục của Báo cáo, tham khảo hướng dẫn theo bảng dưới đây:

TT	Nội dung	Yêu cầu
-	Giấy đăng ký kinh doanh	Bản sao có công chứng, chứng minh hoạt động kinh doanh hợp pháp (đối với các đơn vị/cá nhân có đăng ký kinh doanh)
-	Giấy đủ điều kiện sản xuất	Bản sao có công chứng (đối với sản phẩm cần phải có giấy chứng nhận theo quy định hiện hành)
-	Nguồn gốc nguyên liệu, liên kết chuỗi	Bản sao tài liệu: Giấy xác nhận, hợp đồng, hóa đơn... chứng minh việc mua bán nguyên vật liệu, hợp đồng, thỏa thuận liên kết
-	Công bố chất lượng sản phẩm	Bản sao tài liệu, chứng minh chất lượng sản phẩm được công bố
-	Phiếu kết quả kiểm tra chỉ tiêu an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn công bố	Bản sao tài liệu, chứng minh đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm

TT	Nội dung	Yêu cầu
-	Mã số mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc,	Bản sao tài liệu, chứng minh mã, tem, sở hữu thương hiệu...
-	Sở hữu trí tuệ	Giấy chứng nhận đăng ký về sở hữu trí tuệ: nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, kiểu dáng,...
-	Bảo vệ môi trường	Bản sao hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định; hình ảnh minh chứng về thực hiện giải pháp bảo vệ môi trường.
-	Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, kiểm soát chất lượng	Bản sao tài liệu: chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, chứng minh hệ thống quản lý đạt tiêu chuẩn
-	Kế toán	Bản sao tài liệu, minh chứng hoạt động kế toán của cơ sở
-	Phát triển thị trường, hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại	Bản sao tài liệu: Hợp đồng, cam kết, xác nhận về phân phối sản phẩm, xuất khẩu sản phẩm, hoạt động xúc tiến thương mại...
-	Câu chuyện về sản phẩm	Bản sao tờ rơi, hình ảnh, phim, ghi âm... minh chứng về câu chuyện của sản phẩm
-	Kế hoạch kiểm soát nội bộ	Bản sao kế hoạch kiểm soát nội bộ/Hồ sơ minh chứng về kế hoạch kiểm soát nội bộ
-	Giải thưởng của sản phẩm, bình chọn của các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế...	Bản sao tài liệu, minh chứng về các thành tích, giải thưởng, bình chọn...

PHẦN IV

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH

Trình bày những định hướng, kế hoạch của chủ sở hữu trong thời gian tới về phát triển sản phẩm, tổ chức sản xuất, thị trường.

.....ngày..... tháng..... năm.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ SỞ
(Ký, họ tên, đóng dấu)

II. LĨNH VỰC NÔNG THÔN MỚI

1. Công nhận, công bố “Thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới”.

1.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ: Thứ 2 - Thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

b) Địa điểm thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.

c) Các bước thực hiện

* Bước 1: Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện xây dựng thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới.

- Ban Phát triển thôn, bản lập báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí.

- Tổ chức lấy ý kiến Ban công tác Mặt trận và các tổ chức đoàn thể của thôn.

- Công bố công khai báo cáo tại nhà văn hóa và loa truyền thanh thôn ít nhất 5 lần trong 15 ngày để lấy ý kiến nhân dân.

- Hoàn thiện báo cáo sau khi tiếp thu ý kiến góp ý.

* Bước 2: Hợp thôn, bản và hoàn thiện hồ sơ

- Tổ chức họp dân (ít nhất 70% hộ dân tham dự).

- Biểu quyết công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới (90% đồng thuận trở lên).

- Lập biên bản, hoàn thiện hồ sơ gửi UBND xã.

* Bước 3: Tổ chức thẩm định tại UBND xã

- Khi xóm, bản chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa đầy đủ để xét công nhận xóm, bản đạt chuẩn nông thôn mới (NTM), trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ UBND xã trả lời bằng văn bản cho xóm, bản và nêu rõ lý do.

- UBND xã thành lập Tổ thẩm định gồm lãnh đạo UBND, cán bộ phụ trách xây dựng NTM, đại diện các đoàn thể và bộ phận chuyên môn.

- Tổ thẩm định kiểm tra thực tế và thẩm định hồ sơ, xây dựng báo cáo kết quả thẩm định.

* Bước 4: Tổ chức lấy ý kiến góp ý rộng rãi và khảo sát sự hài lòng của người dân

- UBND xã công bố công khai báo cáo kết quả thẩm định trong thời gian 15 ngày qua hệ thống truyền thanh và/hoặc trang thông tin điện tử.

- Lấy ý kiến Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

- Mặt trận Tổ quốc xã phối hợp Ban công tác Mặt trận thôn tổ chức lấy ý kiến hài lòng của người dân. (Theo hướng dẫn của MTTQ Tỉnh)

* Bước 5: Hợp Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp xã: thảo luận, bỏ phiếu, xét đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM.

- Cuộc họp họp lệ khi có từ 80% thành viên tham dự trở lên, kết quả đạt chuẩn khi có từ 90% số thành viên dự họp đồng thuận trở lên.

- Lập biên bản, thống nhất đề xuất UBND xã ra quyết định công nhận.

* Bước 6: Quyết định công nhận

Chủ tịch UBND xã ban hành Quyết định công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới.

* Bước 7: Công bố quyết định

- Quyết định công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM được công khai trên đài phát thanh và trang thông tin điện tử của xã.

- Chủ tịch UBND xã công bố thôn, bản đạt chuẩn NTM. Thời gian công bố không quá 45 ngày kể từ ngày ban hành quyết định.

1.2. Cách thức thực hiện

Trực tiếp tại UBND xã hoặc qua phần mềm quản lý văn bản TD Office.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ

a) Ban Phát triển thôn, bản nộp UBND xã:

- Văn bản đề nghị (Mẫu số 01).
- Báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí (Mẫu số 02).
- Biên bản họp dân thôn (Mẫu số 03).
- Quyết định phê duyệt đề án xây dựng NTM của UBND xã.
- Hồ sơ minh chứng, ảnh minh họa.

b) UBND xã lưu giữ và lập thêm:

- Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí (Mẫu số 04).
- Báo cáo tổng hợp ý kiến nhân dân và đoàn thể (Mẫu số 05).
- Biên bản họp Ban Chỉ đạo xã xét công nhận (Mẫu số 06).

1.4. Thời hạn giải quyết

- Công bố kết quả lấy ý kiến cộng đồng: 15 ngày.
- Trả lời hồ sơ không hợp lệ: 15 ngày làm việc.
- Công bố quyết định công nhận: không quá 45 ngày từ ngày ký.

1.5. Đối tượng thực hiện

Ban Phát triển thôn, bản.

1.6. Cơ quan thực hiện, thẩm định, công nhận

- **Thực hiện:** UBND cấp xã.
- **Thẩm định:** Tổ thẩm định xã.
- **Họp xét, công nhận:** Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG cấp xã.
- **Ra quyết định:** Chủ tịch UBND xã.

1.7. Kết quả thực hiện

Quyết định công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới.

1.8. Phí, lệ phí

Không quy định.

1.9. Biểu mẫu sử dụng

Mẫu số 01, 02, 03, 04, 05, 06.

1.10. Điều kiện công nhận

- Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí theo Bộ tiêu chí của tỉnh Nghệ An.
- Có từ 90% người dân hài lòng trở lên.

1.11. Căn cứ pháp lý

- Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

- Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn/xóm/bản đạt chuẩn nông thôn mới; vườn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 – 2025.

- Nghị quyết số 1678/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Nghệ An năm 2025.

Mẫu số 01**Văn bản đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới****ỦY BAN NHÂN DÂN****XÃ...****THÔN ...****Số: /****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****....., ngày.....****thángnăm 20.....****V/v đề nghị thẩm định các tiêu
chí thôn nông thôn mới****Kính gửi: UBND xã/phường....**

Căn cứ Quyết định số .../2022/QĐ-UBND ngày .../.../2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi Quyết định công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của UBND xã);

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... của UBND xã ... về phê duyệt Đề án (Phương án) xây dựng nông thôn mới thôn (bản) ... và Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ngày .../tháng ... /năm... của thôn (bản)...

Căn cứ kết quả tự đánh giá thực tế mức độ đạt chuẩn của các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn (bản)...

Căn cứ Biên bản họp thôn (bản ngày .../tháng ... /năm.... và kết quả lấy phiếu xét đánh giá sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn (bản) đối với việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm ...,

Ban Phát triển thôn (bản) ... đề nghị UBND xã ... tổ chức thẩm định kết quả xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thôn (bản)... để làm căn cứ thực hiện hồ sơ đề nghị UBND huyện ... xét, công nhận thôn (bản) ... đạt chuẩn nông thôn mới năm ...

Hồ sơ gửi kèm văn bản, gồm:

- Văn bản đề nghị UBND xã thẩm định các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới.

- Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thôn, bản.

- Biên bản họp thôn, bản.

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia của Ban công tác mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội thôn, bản và Nhân dân trong xã đối với kết quả thực hiện xây dựng thôn nông thôn mới.

- Quyết định phê duyệt của UBND xã kèm thuyết minh phương án (đề án) xây dựng thôn nông thôn mới.

- Các văn bản chứng minh đánh giá đạt của tiêu chí thôn nông thôn mới.

- Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới của thôn, bản.

Kính đề nghị UBND xã ... xem xét, thẩm định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
-

TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN

TRƯỞNG THÔN (BẢN)

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02**Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới, trên địa bàn thôn, bản****ỦY BAN NHÂN DÂN****XÃ...
THÔN ...****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....

thángnăm 20.....

BÁO CÁO**Kết quả xây dựng nông thôn mới năm ... của thôn, bản ...****I. Đặc điểm tình hình chung**

1. Nêu tóm tắt về Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thôn
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện, xã.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng nông thôn mới

1. Về công tác tổ chức, triển khai
2. Về công tác thông tin, tuyên truyền và tham gia tập huấn
3. Về Phát triển kinh tế - xã hội
 - a) Phát triển sản xuất nông nghiệp.
 - b) Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề nông thôn.

c) Nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân

d) Xây dựng cơ sở hạ tầng.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng nông thôn mới

Tổng kinh phí đã thực hiện: ... triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách cấp trên hỗ trợ: ... triệu đồng, chiếm %;

- Nhân dân đóng góp: ... triệu đồng, chiếm %

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí thôn, bản tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là .../... (tổng số) tiêu chí, đạt ...%, cụ thể

1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ...(trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ...(trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí).

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

3. Bài học kinh nghiệm

VI. Kế hoạch duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đã đạt chuẩn

1. Quan điểm

2. Mục tiêu

3. Nội dung duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới

VII. Kiến nghị, đề xuất:

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

**TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN
TRƯỞNG THÔN (BẢN**

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI Thôn, bản..., xã ...,

(Kèm theo Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới năm thôn)

T T	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn,xóm,bản trên địa bàn thuộc các xã khu vực III và xã biên giới	Kết quả thực hiện đến	Kết quả tự đánh giá
1	Giao thông	1.1 Tỷ lệ km đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	$\geq 80\%$		
		1.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (Trong đó tỷ lệ cứng hóa đạt $\geq 60\%$)		
		1.3. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	$\geq 60\%$ (Trong đó mặt đường rộng $\geq 3m$ được cứng hóa đạt $\geq 50\%$)		
2	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	2.1. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại 4 tại chỗ	Đạt		
		2.2. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	$\geq 80\%$		
3	Điện	3.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt		

		3.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn		$\geq 95\%$		
4	Nhà ở dân cư	4.1. Nhà tạm, dột nát		Không		
		4.2. Tỷ lệ hộ có nhà đạt chuẩn theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng (đảm bảo “3 cứng”: nền cứng, khung cứng, mái cứng; Diện tích nhà đạt từ 10m ² /người trở lên;		$\geq 80\%$		
		4.3. Đồ đạc trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học		Đạt		
		4.4. Có hàng rào bao quanh đảm bảo mỹ quan (ưu tiên hàng rào bằng cây xanh)		Đạt		
		4.5. Có vườn trồng rau sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (nếu có)		Đạt		
5	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người trong thôn, xóm, bản (triệu đồng/người/năm)	Năm 2022	≥ 39		
			Năm 2023	≥ 42		
			Năm 2024	≥ 45		
			Năm 2025	≥ 48		
6	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (áp dụng theo chuẩn nghèo hàng năm của Bộ Lao động Thương binh và xã hội)		$\leq 10\%$		
7	Lao động	7.1 Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		$\geq 70\%$		

		7.2 Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng cho cả nam và nữ)	$\geq 20\%$		
8	Giáo dục và đào tạo	8.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ đạt theo chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới	Đạt		
		8.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 70\%$		
9	Văn hóa và cơ sở vật chất văn hóa	9.1. Thôn, bản được công nhận và giữ danh hiệu “ Khu dân cư văn hóa”; xây dựng sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái đảm bảo phát triển bền vững (nếu có).	Đạt		
		9.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”	$\geq 80\%$		
		9.3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; không có hành vi truyền bá và hành nghề mê tín dị đoan	$\geq 70\%$		
		9.4. Tỷ lệ thôn, xóm, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	100%		
10	Y tế	10.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90 \%$		
		10.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 24\%$		

		10.3. Có tối thiểu 01 nhân viên y tế thôn, xóm, bản được đào tạo theo khung chương trình do Bộ Y tế quy định; thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao; Lồng ghép các hoạt động của nhân viên y tế thôn, xóm, bản với cộng tác viên của các chương trình y tế, hàng tháng có giao ban chuyên môn với TYT xã.	Đạt		
		10.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám bệnh điện tử	$\geq 50\%$		
11	Môi trường và an toàn thực phẩm	11.1. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq 20\%$		
		11.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$		
		11.3. Cảnh quan không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại khu dân cư tập trung	Đạt		
		11.4. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt		
		11.5. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$		
		11.6. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%		
		11.7. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 "sạch" (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ)	$\geq 70\%$		

11	Môi trường và an toàn thực phẩm	11.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 60\%$		
		11.9. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%		
		11.10. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải rắn tại nguồn	$\geq 30\%$		
		11.11. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 30\%$		
12	Hệ thống tổ chức chính trị và tuân thủ pháp luật, quy ước, hương ước	12.1. Thôn, bản phải có chi bộ; hàng năm chi bộ thôn, xóm, bản xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt		
		12.2. Thôn, bản và các tổ chức đoàn thể trong thôn, xóm, bản được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt		
		12.3. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt		
		12.4. Tỷ lệ người dân được phổ biến, chấp hành và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và Hương ước của thôn, xóm, bản, không bị phê bình, cảnh cáo trở lên (bằng văn bản); tham gia cuộc vận động xây dựng Nông thôn mới.	100%		

		12.5. Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian các nghĩa vụ đóng góp theo quy định của pháp luật; các khoản đã thống nhất trong cộng đồng dân cư thôn, xóm, bản	Đạt		
13	An ninh trật tự xã hội	Thôn, xóm, bản đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự: Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tệ nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt		

Biên bản hội nghị dân cư thôn, bản (biểu quyết công nhận đạt chuẩn)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

HỘI NGHỊ DÂN CƯ THÔN

- Chủ trì Hội nghị: (Trưởng Ban công tác mặt trận thôn ghi rõ họ, tên, chức danh):

- Thư ký Hội nghị: (ghi rõ họ, tên, chức danh)

- Thành phần tham gia:

1. Thành phần tham gia ý kiến: (Đại diện các hộ gia đình trong thôn).

2. Tổng số hộ gia đình trong thôn: hộ.

3. Tổng số hộ có đại diện tham dự Hội nghị: ...hộ, chiếm. ..% số hộ trong thôn.

- Nội dung Hội nghị:

1. Ông (bà) *(Trưởng Ban công tác mặt trận)* thôn ... thông qua
Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới thôn ...

2. Ý kiến tham gia vào Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới của đại diện các hộ gia đình trong thôn.

+

3. Ban công tác mặt trận thôn thực hiện các thủ tục lấy ý kiến thống nhất của đại diện các hộ gia đình trong thôn về việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm ... (bằng hình thức biểu quyết hoặc lấy phiếu, nếu thực hiện theo hình thức lấy phiếu phải ghi rõ thành phần và hoạt động của tổ kiểm phiếu).

Kết quả lấy ý kiến:

+ Ý kiến thống nhất: _____ người (*phiếu*), chiếm ____ %.

+ Ý kiến không thống nhất: người (*phiếu*), chiếm ...%.

4. Các ý kiến tham gia khác của đại diện các hộ dân: (mời các đại biểu có ý kiến không thống nhất nêu lý do không thống nhất).

Thư ký hoàn thiện và thông qua Biên bản tại Hội nghị.

Hội nghị kết thúc hồi giờ phút cùng ngày. Các đại biểu tham dự đã thống nhất nội dung biên bản và lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu tại thôn, 01 bản gửi kèm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn (bản) ... đạt chuẩn nông thôn mới năm ...

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 04**Báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản
nông thôn mới**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ...**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**TỔ THẨM ĐỊNH TIÊU
CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

....., ngày..... thángnăm 20.....

BÁO CÁO**Về việc thẩm định hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn và kết quả
thực hiện các tiêu chí nông thôn mới của thôn (bản)**

Căn cứ Quyết định số ... /202.../QĐ-UBND ngày/.../202... của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi Quyết định công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ đề nghị của Ban Phát triển thôn ... về việc đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới năm ...

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ và đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn ...

Tổ thẩm định tiêu chí thôn đạt chuẩn nông thôn mới của xã báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho thôn cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

Thời gian thẩm định (từ ngày....../.../... đến ngày ../.../).

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

2.1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ... (trên cơ sở kết quả thẩm định so với yêu cầu của tiêu chí).

2.2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng thực hiện:

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ... (trên cơ sở kết quả thẩm định so với yêu cầu của tiêu chí).

n. Tiêu chí số về

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của thôn, bản

đã được UBND xã thẩm định đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm
thẩm định là: /... tiêu chí, đạt %.

(Kèm theo biểu kết quả thẩm định các tiêu chí nông thôn mới của thôn)

III. KIẾN NGHỊ

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

TM. TỔ THẨM ĐỊNH

TỔ TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
CÁC TIÊU CHÍ THÔN, BẢN ..., XÃ...**

(Kèm theo Báo cáo kết quả thẩm định xây dựng nông thôn mới năm thôn)

T T	Tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn,xóm,bản trên địa bàn thuộc các xã khu vực III và xã biên giới	Kết quả theo báo cáo của thôn, bản	Kết quả thẩm định của xã
1	Giao thông	1.1 Tỷ lệ km đường thôn, bản và đường liên thôn, bản ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	$\geq 80\%$		
		1.2. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100% (Trong đó tỷ lệ cứng hóa đạt $\geq 60\%$)		
		1.3. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	$\geq 60\%$ (Trong đó mặt đường rộng $\geq 3m$ được cứng hóa đạt $\geq 50\%$)		
2	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	2.1. Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại 4 tại chỗ	Đạt		
		2.2. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động.	$\geq 80\%$		
3	Điện	3.1. Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt		
		3.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	$\geq 95\%$		
4	Nhà ở dân cư	4.1. Nhà tạm, dột nát	Không		

		4.2. Tỷ lệ hộ có nhà đạt chuẩn theo tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng (đảm bảo “3 cứng”: nền cứng, khung cứng, mái cứng; Diện tích nhà đạt từ 10m ² /người trở lên;		≥ 80%		
		4.3. Đồ đạc trong nhà được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, khoa học		Đạt		
		4.4. Có hàng rào bao quanh đảm bảo mỹ quan (ưu tiên hàng rào bằng cây xanh)		Đạt		
		4.5. Có vườn trồng rau sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (nếu có)		Đạt		
5	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người trong thôn, xóm, bản (triệu đồng/người/năm)	Năm 2022	≥ 39		
			Năm 2023	≥ 42		
			Năm 2024	≥ 45		
			Năm 2025	≥ 48		
6	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (áp dụng theo chuẩn nghèo hàng năm của Bộ Lao động Thương binh và xã hội)		≤ 10%		
7	Lao động	7.1 Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥ 70%		
		7.2 Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng cho cả nam và nữ)		≥ 20%		
8	Giáo dục và đào tạo	8.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ đạt theo chỉ tiêu của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định đối với xã đạt chuẩn nông thôn mới		Đạt		

		8.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	$\geq 70\%$		
9	Văn hóa và cơ sở vật chất văn hóa	9.1. Thôn, bản được công nhận và giữ danh hiệu “ Khu dân cư văn hóa”; xây dựng sản phẩm du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái đảm bảo phát triển bền vững (nếu có).	Đạt		
		9.2. Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa”	$\geq 80\%$		
		9.3. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội; không có hành vi truyền bá và hành nghề mê tín dị đoan	$\geq 70\%$		
		9.4. Tỷ lệ thôn, xóm, bản có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	100%		
10	Y tế	10.1. Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	$\geq 90 \%$		
		10.2. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	$\leq 24\%$		
		10.3. Có tối thiểu 01 nhân viên y tế thôn, xóm, bản được đào tạo theo khung chương trình do Bộ Y tế quy định; thường xuyên hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao; Lồng ghép các hoạt động của nhân viên y tế thôn, xóm, bản với cộng tác viên của các chương trình y tế, hàng tháng có giao ban chuyên môn với TYT xã.	Đạt		
		10.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám bệnh điện tử	$\geq 50\%$		
11		11.1. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	$\geq 20\%$		

	Môi trường và an toàn thực phẩm	11.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$		
		11.3. Cảnh quan không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại khu dân cư tập trung	Đạt		
		11.4. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt		
		11.5. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$		
		11.6. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%		
		11.7. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 "sạch" (sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ)	$\geq 70\%$		
11	Môi trường và an toàn thực phẩm	11.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 60\%$		
		11.9. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%		
		11.10. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại rác thải rắn tại nguồn	$\geq 30\%$		
		11.11. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	$\geq 30\%$		
12	Hệ thống tổ chức chính trị và tuân thủ pháp	12.1. Thôn, bản phải có chi bộ; hàng năm chi bộ thôn, xóm, bản xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt		
		12.2. Thôn, bản và các tổ chức đoàn thể trong thôn, xóm, bản được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt		

	luật, quy ước, hương ước	12.3. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt		
		12.4. Tỷ lệ người dân được phổ biến, chấp hành và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và Hương ước của thôn, xóm, bản, không bị phê bình, cảnh cáo trở lên (bằng văn bản); tham gia cuộc vận động xây dựng Nông thôn mới.	100%		
		12.5. Thực hiện đầy đủ, đúng thời gian các nghĩa vụ đóng góp theo quy định của pháp luật; các khoản đã thông nhất trong cộng đồng dân cư thôn, xóm, bản	Đạt		
13	An ninh trật tự xã hội	Thôn, xóm, bản đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự: Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; đảm bảo trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Đạt		

Mẫu số 05

Báo cáo tổng hợp ý kiến của Mặt trận, đoàn thể và Nhân dân
ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND , ngày..... thángnăm 20....

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn thôn, bản nông thôn mới nămđối với thôn (bản)...., xã

I. Tóm tắt quá trình xã tổ chức lấy ý kiến tham gia

-

II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn thôn nông thôn mới năm ... đối với thôn (bản) ...

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã.

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn xã (tên đơn vị, tổ chức:)

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã

- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã

-

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT

TM. UBND XÃ
CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06

**Biên bản họp Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG xã đề nghị xét,
công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới .**
BAN CHỈ ĐẠO CÁC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHƯƠNG TRÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
MTQG
XÃ...

....., ngày..... thángnăm 20.....

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận thôn (bản) ... đạt chuẩn nông thôn mới năm

Căn cứ Quyết định số .../2022/QĐ-UBND ngày/.../202... của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi Quyết định công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021- 2025;

Căn cứ báo cáo thẩm định hồ sơ và kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới trên địa bàn thôn của Tổ thẩm định tiêu chí thôn nông thôn mới;

Căn cứ đề nghị của Ban Phát triển thôn (bản) Về việc đề nghị thẩm định các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn.

Hôm nay, vào hồi ... giờ ... phút ngày.../tháng ... /năm... tại
 , UBND xã... (tỉnh...) tổ chức họp đề nghị xét, công nhận
 thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- | | |
|-------------|-------------------------------------|
| - Ông (bà): | - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ |
| trì; | |
| - Ông (bà): | - Chức vụ, đơn vị công tác; |
| - Ông (bà): | - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký |
- cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Tổ thẩm định tiêu chí thôn nông thôn mới xã... báo cáo kết quả thẩm định các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn
2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về kết

quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn thôn

Kết quả bỏ phiếu: số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị thẩm định, xét, công nhận thôn ... đạt chuẩn nông thôn mới năm ... là .../tổng số ... thành viên tham dự cuộc họp, đạt ...%.

Biên bản kết thúc hội ... giờ ... phút ngày /.../ ..., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí ...%.

Biên bản này được lập thành ... bản có giá trị pháp lý như nhau:

UBND xã lưu ... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới gửi UBND huyện ... bản./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP

(Ký, ghi rõ họ tên)

2. Thủ tục thu hồi Quyết định công nhận, công bố “Thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới”

2.1. Trình tự thực hiện:

a) Thời gian thực hiện: Trong giờ hành chính các ngày từ Thứ 2 - Thứ 6 hàng tuần (trừ ngày nghỉ, ngày Lễ, Tết theo quy định).

b) Địa điểm thực hiện: Tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thôn, bản được công nhận.

c) Trình tự thực hiện:

* Bước 1: Tổ chức đánh giá, lấy ý kiến

UBND xã tổ chức đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới của thôn, bản; lấy ý kiến của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng và trang thông tin điện tử xã trong thời hạn 15 ngày để lấy ý kiến nhân dân.

* Bước 2: Hoàn thiện hồ sơ

UBND xã tổ chức họp Ban Chỉ đạo xây dựng nông thôn mới cấp xã, thảo luận và bỏ phiếu đề nghị thu hồi Quyết định công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM; hoàn thiện hồ sơ nếu có ít nhất 90% đại biểu đồng ý.

* Bước 3: Tổ chức xét, thu hồi quyết định công nhận

Chủ tịch UBND cấp xã căn cứ kết quả họp Ban Chỉ đạo và hồ sơ đầy đủ, xem xét, ban hành Quyết định thu hồi công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới; công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, đài truyền thanh cơ sở và trang thông tin điện tử của xã.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại UBND xã hoặc qua Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TD Office).

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ:

- Báo cáo đánh giá mức độ không đạt chuẩn của thôn, bản (Mẫu số 01).
- Báo cáo tổng hợp ý kiến của các tổ chức, đoàn thể và nhân dân (Mẫu số 02).
- Biên bản cuộc họp Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG xã đề nghị thu hồi công nhận (Mẫu số 03).

b) Số lượng: 01 bộ.

2.4. Thời hạn giải quyết:

- Lấy ý kiến nhân dân: 15 ngày.

- Quyết định thu hồi: ban hành trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.6. Cơ quan giải quyết:

- **Cơ quan có thẩm quyền quyết định:** Chủ tịch UBND cấp xã.

- **Cơ quan trực tiếp thực hiện:** UBND xã.

- **Cơ quan phối hợp:** Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục: Quyết định thu hồi công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới.

2.8. Phí, lệ phí: Không quy định.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Báo cáo đánh giá.

- Mẫu số 02: Báo cáo tổng hợp ý kiến.

- Mẫu số 03: Biên bản họp Ban Chỉ đạo xã.

2.10. Yêu cầu, điều kiện:

Thôn, bản đã được công nhận đạt chuẩn bị thu hồi nếu:

- Có từ 30% đến dưới 50% số tiêu chí không đạt, trong đó có ít nhất 01 tiêu chí quan trọng (thu nhập, nghèo đa chiều, môi trường và an toàn thực phẩm, An ninh trật tự xã hội).

- Hoặc có từ 50% tiêu chí trở lên không đạt theo Bộ tiêu chí thôn, bản NTM giai đoạn 2021–2025.

2.11. Căn cứ pháp lý:

- Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

- Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 06/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn/xóm/bản đạt chuẩn nông thôn mới; vườn đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn 2022 – 2025.

- Nghị quyết số 1678/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Nghệ An năm 2025.

Mẫu số 01

**Báo cáo của UBND xã về kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn
nông thôn mới với thôn, bản**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày.....

thángnăm 20.....

BÁO CÁO

**Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới năm
của thôn, bản ...**

I. Khái quát đặc điểm tình hình

1. Thôn, bản ... đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm ... (nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu)

2. Thôn, bản... (nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thôn; thuận lợi, khó khăn trong thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới).

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương, tỉnh.

III. Đánh giá công tác chỉ đạo thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí thôn, bản nông thôn mới

1. Về chỉ đạo, điều hành

2. Về truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Về chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Về nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

4. Về huy động nguồn lực (từ khi thôn, bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đến thời điểm đánh giá)

Tổng kinh phí đã thực hiện:

triệu đồng, trong đó:

(cần nêu cụ thể: số kinh phí, tỷ lệ (%)) của từng nguồn vốn).

IV. Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn các tiêu chí thôn, bản nông thôn mới

Tổng số tiêu chí nông thôn của thôn, bản ... đã được UBND xã đánh giá không đạt chuẩn tính đến thời điểm đánh giá (tháng../20...) là: .../ ... tiêu chí, chiếm ... %, cụ thể (cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí):

1. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng đã thực hiện:

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

2. Tiêu chí số về

a) Yêu cầu của tiêu chí:

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện:

- Khối lượng đã thực hiện:

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí (đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).

V. Kết luận (cần khẳng định rõ thôn, bản đủ điều kiện hay không đủ điều kiện đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận theo quy định)

VI. Kiến nghị

-

-

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu: VT

TM. UBND XÃ

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ KHÔNG ĐẠT
CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ THÔN, BẢN NÔNG THÔN MỚI
NĂM ...**

của thôn, bản

(Kèm theo Báo cáo số: .../BC-UBND ngày/.../20... của UBND xã
....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn (Cần ghi rõ từng tiêu chí, chỉ tiêu cụ thể quy định áp dụng đối với vùng)	Kết quả đánh giá
1		1.1		
		1.2		
2		2.1		
		2.2		

Mẫu số 02

Báo cáo của Ủy ban MTTQ Việt Nam xã về tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân trên địa bàn xã đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới với thôn, bản
ỦY BAN MTTQ VIỆT NAM XÃ... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-UBND ngày..... thángnăm 20.....

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới năm ... của thôn, bản

I. Tóm tắt quá trình UBND xã tổ chức lấy ý kiến tham gia

-
 -

II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới năm ... của thôn, bản

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

2. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn xã (tên đơn vị, tổ chức:)

- Hình thức tham gia ý kiến:
- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã

- Ý kiến tham gia:
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có):

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu: VT

TM. UBND XÃ

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 03

Biên bản cuộc họp của Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG xã về việc đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới

**BAN CHỈ ĐẠO CÁC
CHƯƠNG TRÌNH
MTQG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

XÃ...

Số: /BC-UBND

....., ngày.....

thángnăm 20.....

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đối với thôn, bản

- Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương);
- Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của tỉnh, huyện, xã);
- Căn cứ Báo cáo số ngày / / của UBND xã

về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới năm đối với thôn, bản....

- Căn cứ Báo cáo số ngày / / của UBND xã
- về đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới năm đối với thôn, bản

Hôm nay, vào hồi ... giờ ... phút ngày .../tháng .../ năm ... tại ,
UBND xã ... tổ chức họp xét, đề nghị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đối với thôn, bản, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà):; - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp.
- Ông (bà):; - Chức vụ, đơn vị công tác.
- Ông (bà):; - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND xã trình bày Báo cáo: Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới năm ... đối với thôn ... ; tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới năm ... đối với thôn, bản

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp xét, đề nghị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới đối với thôn, bản ..., cụ thể như sau:

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 3. MẪU BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ
ỦY BAN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
XÃ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

**Về việc đánh giá một số nội dung của Hồ sơ sản phẩm đăng ký tham gia đánh giá
sản phẩm OCOP**

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

1. Tên chủ thể:
2. Loại hình tổ chức:
3. Địa chỉ:
4. Điện thoại:..... Email:
5. Tên người đại diện pháp luật:
 - Họ tên:
- Giới tính:..... (Nam/nữ); Dân tộc:
- Địa chỉ thường trú:
6. Sản phẩm đăng ký đánh giá:

II. ĐÁNH GIÁ MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA HỒ SƠ ĐĂNG KÝ

1. Về sử dụng nguyên liệu địa phương: (Nội dung thể hiện rõ mô tả của chủ thể và đánh giá về tình hình sử dụng nguyên liệu thực tế của chủ thể trên địa bàn xã).
 2. Về sử dụng lao động địa phương: (Nội dung thể hiện rõ mô tả của chủ thể và đánh giá về tình hình sử dụng thực tế về lao động địa phương của chủ thể trên địa bàn xã).
 3. Nguồn gốc ý tưởng sản phẩm: (Nhận xét về nguồn gốc sản phẩm (truyền thống, sản phẩm mới) của chủ thể dựa trên thực tế của địa phương).
 4. Bản sắc/trí tuệ địa phương: (Đánh giá về đặc điểm và mức độ thể hiện các giá trị về văn hóa, truyền thống (hình ảnh, câu chuyện,...) trên sản phẩm và hồ sơ của sản phẩm).
- Ủy ban nhân dân xã.... đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh.... đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cho sản phẩm.... của

TM. UBND XÃ....
(Ký tên và đóng dấu)